

Ưu và nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy ngoại ngữ trình độ đại học: Tổng quan nghiên cứu

Liêu Thị Hồng Phúc*, Nguyễn Vũ Hương Chi



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và sự phát triển mạnh mẽ của học tập trực tuyến, việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược đã thay đổi quá trình dạy-học thông qua việc đảo chiều quy trình dạy-học truyền thống: vai trò chủ động trong việc tiếp cận kiến thức trước giờ học qua video và tài liệu học tập được chuyển về phía người học; người dạy từ người cung cấp kiến thức trở thành người hướng dẫn. Thời gian trên lớp hoàn toàn dành cho các hoạt động thực hành, tương tác và giải quyết vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Nhằm đảm bảo tính toàn diện và minh bạch, nghiên cứu tổng quan hệ thống này sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống theo khuôn khổ PRISMA với quy trình 4 giai đoạn: xác định, sàng lọc, loại trừ và đủ điều kiện. Tổng cộng có 19 bài báo đã được tìm thấy thông qua các từ khóa liên quan, được xuất bản trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2024 từ các cơ sở dữ liệu Scopus, Google Scholar và ERIC. Kết quả cho thấy những ưu điểm nổi bật của mô hình này là tính linh hoạt về thời gian, không gian, khả năng tự học, chủ động, sáng tạo, tối ưu hóa hoạt động trên lớp, phát triển kỹ năng ngôn ngữ, tư duy phản biện, và năng lực số. Đồng thời, những nhược điểm của mô hình này cũng được xác định, như áp lực về khối lượng công việc, sự phụ thuộc vào công nghệ và Internet, khả năng quản lý thời gian và tự học, chất lượng nguồn học liệu, môi trường học tập và các vấn đề cá nhân khác.

Từ khoá: lớp học đảo ngược, giảng dạy ngoại ngữ, nghiên cứu tổng quan hệ thống, giáo dục đại học

ĐẶT VẤN ĐỀ

Những thay đổi mạnh mẽ về công nghệ kỹ thuật số của Cách mạng Công nghiệp 4.0, ảnh hưởng của dịch bệnh và những biến động lớn về chính trị, xã hội đã tạo nên nhiều thay đổi trong lĩnh vực giáo dục, đẩy mạnh xu hướng kết hợp giữa đào tạo và công nghệ nhằm thúc đẩy hình thức học tập trực tuyến bên ngoài lớp học.

Trong vài thập kỷ trở lại đây, mô hình lớp học đảo ngược đã thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà giáo dục toàn thế giới. Đã có rất nhiều nghiên cứu về việc ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược vào giảng dạy nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình dạy và học. Các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng mô hình lớp học đảo ngược không chỉ hỗ trợ cho người học trong quá trình học ngôn ngữ, mà người dạy cũng nhận được rất nhiều lợi ích từ phương pháp dạy học tích cực này. Việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược đã và đang tạo ra môi trường học tập tăng cường tương tác giữa người dạy và người học, đẩy mạnh tính tích cực và chủ động của người học.

Theo định nghĩa của những nhà nghiên cứu về giáo dục, mô hình lớp học đảo ngược là mô hình dạy học

kết hợp giữa hướng dẫn trực tiếp và học tập kiến tạo¹; là hình thức dạy học trong đó người học nghiên cứu trước nội dung môn học được giáo viên cung cấp trước giờ học theo hình thức trực tuyến^{2,3}; là “một phương pháp sư phạm mới” [4, tr.5], là “chiến lược giảng dạy” [5, tr.7] nhằm thu hút người học, thúc đẩy sự tích cực tham gia và học tập của người học, bao gồm hoạt động ở nhà và hoạt động trên lớp, được triển khai dưới hình thức giao nhiệm vụ cho người học hoàn thành các bài đọc, xem bài giảng video, làm bài tập thực hành trước giờ học, và các hoạt động tương tác, giải quyết vấn đề theo nhóm, giải quyết vấn đề trực tiếp được triển khai trong lớp.

Mô hình dạy học này đã được triển khai thực nghiệm trong nhiều lớp học ở các trình độ khác nhau, có thể trong môi trường giảng dạy tại đại học, hoặc trong không gian của các trường trung học. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã ghi nhận sự gia tăng động lực học tập và cơ hội thực hành ngữ pháp tiếng Anh⁶; những ưu điểm như nâng cao ý thức, thái độ và trách nhiệm học tập của người học, kết nối người học thành một cộng đồng gắn bó và tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa người dạy và người học⁷; sự cải thiện đáng kể về điểm số qua so sánh giữa điểm bài kiểm tra đầu vào và đầu ra, sự hứng thú với lớp học đảo ngược vì

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Liêu Thị Hồng Phúc, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: lieuphuc114@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 31-12-2024
- Ngày sửa đổi: 29-04-2025
- Ngày chấp nhận: 11-06-2025
- Ngày đăng: xx-07-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i3.1097>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Hồng Phúc L T, Hương Chi N V. **Ưu và nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy ngoại ngữ trình độ đại học: Tổng quan nghiên cứu.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(3):3078-3092.

phải chủ động đọc bài trước ở nhà và tham gia trả lời câu hỏi trong lớp⁸; khả năng tăng thời gian thực hành, thu hẹp khoảng cách giữa người dạy và người học, xây dựng môi trường học tập thoải mái và khuyến khích tự do trao đổi ý kiến, có thể giúp người học vượt qua nhiều thách thức và cải thiện kỹ năng nói⁹.

Dễ dàng nhận thấy rằng mô hình lớp học đảo ngược có điểm khác biệt mạnh mẽ so với mô hình lớp học truyền thống. Đó chính là sự thay đổi vai trò của người dạy và người học, và việc triển khai các giai đoạn dạy học. Ở mô hình lớp học truyền thống, vai trò chủ động thuộc về giáo viên, và việc giảng bài được tổ chức trong thời gian, không gian lớp học. Ở mô hình lớp học đảo ngược, người học được giao vai trò chủ động trong việc xây dựng, kiến tạo tri thức, người dạy trở thành người dẫn dắt, cố vấn cho các hoạt động trong giờ học^{10,11}, “người hướng dẫn ở bên cạnh”, đồng thời, các giai đoạn dạy và học được “lật ngược” về không gian và thời gian¹². Giai đoạn truyền đạt kiến thức được triển khai ngoài giờ học, trước khi lớp học bắt đầu. Ở giai đoạn này, người học làm việc độc lập, theo dõi nội dung bài học, xem các video nội dung do người dạy cung cấp để tiếp nhận kiến thức cơ bản của môn học. Giai đoạn tiếp theo được triển khai trong lớp học, trong đó người học dành toàn bộ thời gian tương tác với người dạy và người học cùng lớp, áp dụng kiến thức đã tiếp thu trước đó vào thực tế, làm bài tập thực hành dưới hình thức cá nhân hay theo nhóm, tiến hành thí nghiệm, thảo luận để giải quyết các vấn đề thực tế, tham gia vào các hoạt động hợp tác như đóng vai, động não, đánh giá đồng đẳng, trao đổi, phản hồi, trợ giúp. Những hoạt động trong lớp học được người học thực hiện dưới sự hướng dẫn, quan sát, hỗ trợ kịp thời của người dạy^{12,13}. Đồng thời, mô hình này giúp sắp xếp một cách hệ thống và nhất quán các hoạt động dạy-học trực tuyến và trực tiếp, đồng thời trao quyền cho giáo viên, nâng cao thành tích của người học. Quan trọng hơn, nó thúc đẩy người học tham gia tích cực vào các hoạt động giải quyết vấn đề thực tế trong lớp học⁹.

Trong bối cảnh môi trường dạy học có nhiều thay đổi, vai trò của người học ngày càng trở nên chủ động và các hoạt động học tập được tích hợp công nghệ, việc tìm hiểu những nghiên cứu trong giai đoạn từ 2014 đến 2024 sẽ giúp đưa ra một cái nhìn tổng quan về tính ưu việt và những hạn chế của mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy ngoại ngữ. Để đạt được mục tiêu này, nghiên cứu cần trả lời những câu hỏi sau đây:

1/ Ngoại ngữ nào được giảng dạy theo mô hình lớp học đảo ngược?

2/ Kỹ năng ngôn ngữ nào được giảng dạy trong mô hình lớp học đảo ngược?

3/ Mô hình lớp học đảo ngược có những ưu điểm gì trong giảng dạy ngoại ngữ?

4/ Mô hình lớp học đảo ngược có những nhược điểm gì trong giảng dạy ngoại ngữ?

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu

Phần này trình bày phương pháp tiếp cận có hệ thống được sử dụng trong nghiên cứu nhằm đảm bảo quy trình toàn diện và minh bạch, phù hợp với khuôn khổ Các mục báo cáo ưu tiên dành cho Đánh giá hệ thống và Phân tích tổng hợp (Preferred Reporting Items for Systematic Reviews and Meta-Analyses (PRISMA))¹⁴.

thiết kế nghiên cứu

Nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu được đặt ra, bài nghiên cứu tổng quan hệ thống này tuân thủ nghiêm ngặt tất cả các quy tắc được nêu trong khuôn khổ PRISMA. Trong đó, các giai đoạn xác định, sàng lọc, loại trừ và đủ điều kiện được trình bày theo biểu đồ luồng bốn giai đoạn.

Giai đoạn 1: Xác định

Cơ sở dữ liệu được chọn để phục vụ cho việc tìm kiếm các bài báo liên quan là Scopus, Google Scholar và ERIC. Các tác giả sử dụng các chiến lược tìm kiếm khác nhau, tùy thuộc vào yêu cầu tìm kiếm của từng cơ sở dữ liệu. Trong đó, tiêu chí lựa chọn tài liệu bao gồm thời gian xuất bản và từ khóa tìm kiếm. Các bài báo phải được xuất bản trong thời gian từ 2014 đến 2024 và được tìm kiếm bằng các từ khóa liên quan trên nền tảng các cơ sở dữ liệu nói trên (như trong Bảng 1).

Bảng 1 cho thấy các từ khóa được sử dụng khi tìm kiếm các bài viết có tích hợp ưu điểm và nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy ngoại ngữ.

Giai đoạn 2: Sàng lọc

Trong cả ba cơ sở dữ liệu Scopus, Google Scholar và ERIC, các kết quả được sàng lọc sau khi loại bỏ các bản trùng lặp. Các bài báo tiếp tục được chọn lọc dựa theo tiêu đề và tóm tắt. Tiêu đề được kiểm tra để đảm bảo phù hợp với các từ khóa đã sử dụng, sau đó tóm tắt của mỗi bài viết được đọc và quét kỹ lưỡng nhằm đánh giá bài viết có đáp ứng tiêu chí bao gồm và loại trừ không.

Giai đoạn 3: Loại trừ

Trong giai đoạn này, các bài báo được phân tích và kiểm tra tính hợp lệ dựa trên tiêu chí bao gồm và loại trừ để đảm bảo rằng các bài viết được chọn phù hợp với khuôn khổ cần thiết cho đánh giá (như trong Bảng 2).

Bảng 1: Các từ khóa tìm kiếm bài báo liên quan

Cơ sở dữ liệu	Từ khóa tìm kiếm
Scopus	TITLE-ABS-KEY (flipped AND classroom AND foreign AND language AND teaching) AND (LIMIT-TO (SUBJAREA, "SOC") OR LIMIT-TO (SUBJAREA, "ARTS")) AND (LIMIT-TO (DOCTYPE , "ar")) AND (LIMIT-TO (LANGUAGE , "English"))
Google Scholar	"flipped classroom" "foreign language teaching" "advantages and disadvantages" "flipped learning" "language teaching" "pros and cons" "inverted classroom" "second language acquisition" "benefits and drawbacks" "flipped classroom" "foreign language teaching" "challenges and opportunities"
ERIC	"flipped classroom" AND "foreign language teaching" AND "advantages and disadvantages" OR "flipped learning" AND "language teaching" AND "pros and cons" OR "inverted classroom" AND "second language acquisition" AND "benefits and drawbacks" OR "flipped classroom" AND "foreign language teaching" AND "challenges and opportunities"

[Nguồn: Tác giả]

Bảng 2: Các tiêu chí bao gồm và loại trừ

Tiêu chí bao gồm	Tiêu chí loại trừ
1. 1.	1. 1.
2. 2.	2. 2.
3. 3.	3. 3.
4. 4.	

[Nguồn: Tác giả]

Bảng 2 cho thấy việc lựa chọn dữ liệu cho bài tổng quan hệ thống đã trải qua các tiêu chí bao gồm và loại trừ. Trong đó, nhóm tác giả chỉ sử dụng các bài nghiên cứu toàn văn và loại trừ các bài báo bị giới hạn quyền truy cập. Tiếp theo, những báo cáo toàn văn đáp ứng đầy đủ các tiêu chí bao gồm đã được giữ lại và các bài viết không đáp ứng đủ các tiêu chí đã bị loại trừ. Nhằm trả lời các câu hỏi nghiên cứu, cả tiêu chí bao gồm và loại trừ đều quan trọng trong việc thiết kế một nghiên cứu chất lượng cao.

Giai đoạn 4: Đủ điều kiện

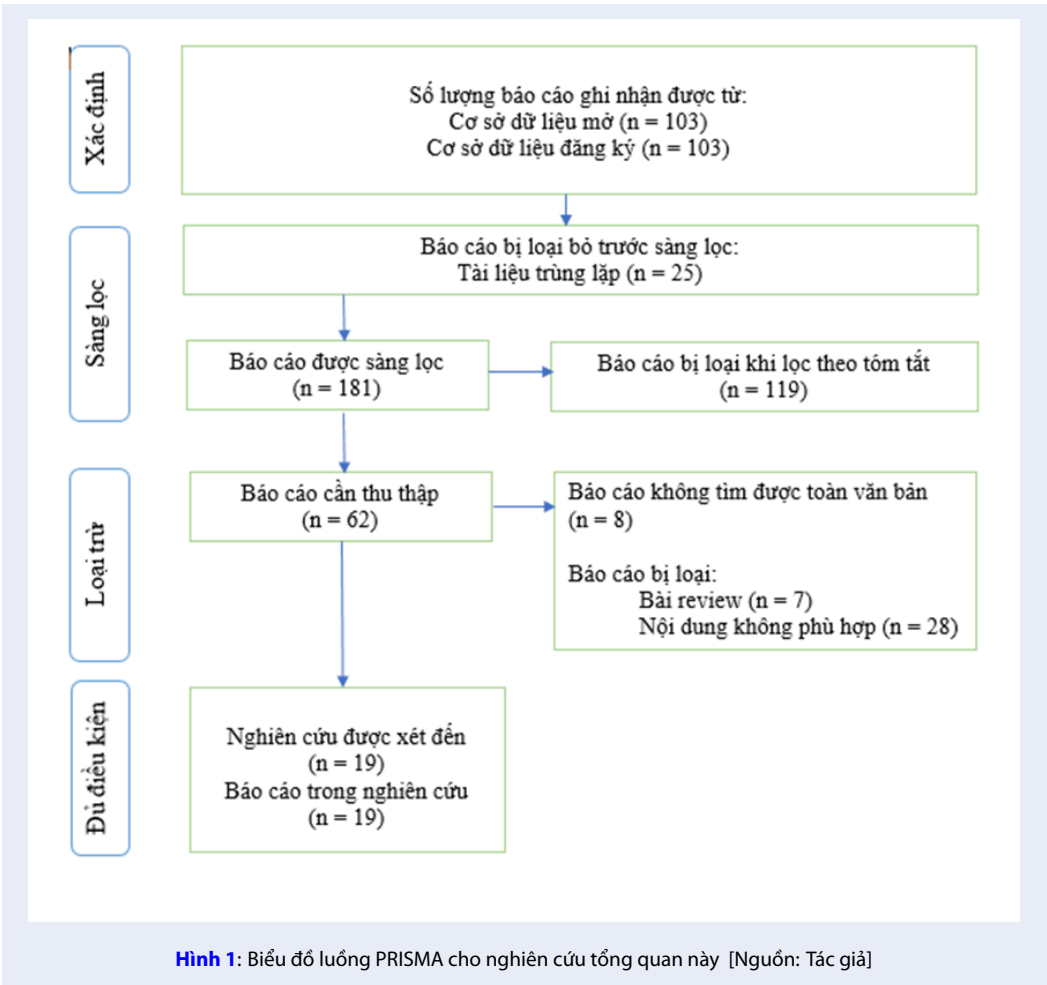
Trong giai đoạn đánh giá đủ điều kiện, các bài nghiên cứu không phù hợp đã bị loại trừ, trong đó bao gồm các bài báo, chương sách, sách, bài đánh giá và phân tích tổng hợp không được xuất bản bằng tiếng Anh. Các tài liệu không xuất bản trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2024 cũng không đạt yêu cầu sử dụng. Quá trình này rất quan trọng, vì đây là bước cuối cùng nhằm tinh chỉnh các bài viết liên quan đến ưu và nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy ngoại ngữ. Các chi tiết từ quá trình tìm kiếm được tóm tắt bằng biểu đồ luồng PRISMA trong Hình 1.

Kết quả

Trong phần này, nhóm nghiên cứu trình bày kết quả phân tích 19 báo cáo đạt đủ các yêu cầu theo sơ đồ phân loại PRISMA. Cụ thể, từ ba cơ sở dữ liệu nêu trên, nhóm nghiên cứu thu thập được 206 bài báo xuất bản từ 2014 đến 2024, gồm: Scopus (n = 103), Google Scholar (n = 38) và Eric (n = 65). Các từ khóa tìm kiếm đã được sử dụng nhằm phục vụ cho việc sàng lọc và thu thập những bài báo nghiên cứu ưu và nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy ngoại ngữ. Quá trình chọn lọc ở giai đoạn ban đầu đã loại trừ n=25 bài báo trùng lặp và giữ lại n=181 bài báo. Giai đoạn tiếp theo của việc sàng lọc dựa trên việc xem xét tiêu đề và tóm tắt đã loại trừ n=119 bài báo. Tiếp theo, xét đến khả năng truy cập bản toàn văn và hình thức bài báo như đánh giá, phân tích tổng hợp, đồng thời dựa trên phân tích nội dung các bài báo nhằm bảo đảm trả lời được các câu hỏi nghiên cứu, có n=43 bài báo bị loại bỏ. Ở giai đoạn cuối cùng, 19 bài báo được chọn dựa trên tiêu chí bao gồm và loại trừ. Đây là những bài báo đạt đủ các yêu cầu theo sơ đồ phân loại PRISMA dựa trên 4 câu hỏi nghiên cứu đã nêu từ đầu.

Phân bố nghiên cứu theo ngoại ngữ được giảng dạy

Trong 19 nghiên cứu được tổng hợp, tiếng Anh như một ngoại ngữ (ESL) là ngôn ngữ chính được giảng dạy trong các lớp thực nghiệm, chiếm 94,74%. Và chỉ có 1 ngoại ngữ khác không phải tiếng Anh được sử dụng trong nghiên cứu thực nghiệm, là tiếng Ả Rập, chiếm 5,26%.



Bảng 3: Phân bố tần suất theo ngoại ngữ được giảng dạy

Ngôn ngữ	Số lượng	Nguồn	Tỷ lệ %
Tiếng Anh	18	15-32	94,74%
Tiếng Ả Rập như một ngoại ngữ/ngôn ngữ thế giới (Arabic as a Foreign/World Language)	1	33	5,26%
Tổng cộng	19		100%

[Nguồn: Tác giả]

Phân bố nghiên cứu theo kỹ năng ngôn ngữ được giảng dạy

Tỷ lệ % được tính trên tổng số 19 báo cáo. Mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy ngoại ngữ được áp dụng cho các kỹ năng riêng biệt: Đọc (10%), Viết

(10% có tính cả viết luận), Dịch thuật (5%), Ngữ pháp có tính gộp từ “Ngữ pháp, Nghe, Phát âm, Viết” (30%); và các kỹ năng tổng hợp: 4 kỹ năng (30%), Nghe-Nói (10%), Nghe-Phát âm-Viết (5%).

Bảng 4: Phân bố tần suất theo kỹ năng ngôn ngữ được giảng dạy

Kỹ năng	Số lượng	Nguồn	Tỷ lệ %
4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết	6	19-21,23,26,2	30%
Ngữ pháp	6	15-17,27,28,3	30%
Nghe, Nói	2	18,33	10%
Đọc	2	22,25	10%
Viết	2	24,30	10%
Dịch thuật	1	32	5%
Nghe, Phát âm, Viết	1	15	5%
Tổng	20		100%

[Nguồn: Tác giả]

Ưu điểm của mô hình lớp học đảo ngược

Bảng 5: Ưu điểm của mô hình lớp học đảo ngược

STT	Nhóm ưu điểm	Diễn giải ưu điểm cụ thể	Dẫn nguồn	Tần suất	Tỷ lệ %
1	Thúc đẩy sự tham gia và năng lực tự học	Thúc đẩy sự tham gia của sinh viên vào quá trình học	22,28,29,33	4	27,54%
		Cải thiện sự tham gia tích cực của sinh viên vào các hoạt động trên lớp	18,21,22,28,30	5	
		Học tập trở nên chủ động và hấp dẫn hơn	28	1	
		Nâng cao năng lực tự học, tăng tự chủ trong học tập	18,22,28,29,31	7	
		Tăng cường sự tự tin và chủ động trong học tập	22,33	2	
2	Tối ưu hóa thời gian	Tối ưu hóa thời gian trên lớp	16,20,23,26,30	5	23,19%
		Tạo nhiều thời gian cho hoạt động thực hành	15	1	
		Các hoạt động trên lớp có ý nghĩa hơn, tăng cường thực hành hơn	21	1	
		Các hoạt động ngoài lớp học trở nên linh hoạt và hiệu quả hơn	18,19	2	
		Đa dạng hóa nguồn học liệu	32	1	
		Tiết kiệm chi phí cho in ấn tài liệu và sử dụng lại được các video bài giảng	19	1	
		Truy cập thuận tiện cho người học	23	1	
		Mở rộng môi trường học tập	22	1	
		Cung cấp nội dung bài học nhanh chóng và hiệu quả hơn	22,25	2	
		Nội dung học tập hấp dẫn hơn so với sách giáo khoa truyền thống	18	1	
3	Tăng cường tương tác và giao tiếp	Tăng cường giao tiếp, tương tác và hợp tác giữa sinh viên, giữa sinh viên và giảng viên trên lớp	18,20,23,25,28	8	11,59%
4	Cải thiện kết quả học tập và tư duy	Cải thiện kết quả học tập trong các môn Đọc, Dịch thuật	15,32	2	11,59%
		Tăng cường hiệu quả sử dụng ngôn ngữ	31	1	
		Tăng hiệu quả trong rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ trên lớp	30	1	
		Thúc đẩy học tập bậc cao, học tập sâu và tăng hợp tác trên lớp	23	1	
		Cải thiện thành tích học tập tổng thể	22	1	
		Mang lại sự hài lòng cho sinh viên	22	1	
		Sinh viên hiểu bài tốt hơn trên lớp	25	1	
5	Nâng cao động lực học tập	Nâng cao sự quan tâm và động lực học tập của sinh viên	24,25,28,29	4	8,70%
		Tăng hứng thú đối với lớp học	28	1	
		Nâng cao động lực cho giảng viên	24	1	
6	Cá nhân hóa việc học	Cá nhân hóa việc học theo thời gian và sở thích học tập của sinh viên	17,21,22,31	5	8,70%

Continued on next page

Table 5 continued

		Chuẩn bị tốt hơn cho các hoạt động trên lớp, sinh viên linh hoạt học tập từ video bài giảng	28	1	
7	Tích hợp công nghệ và phương pháp giảng dạy	Tích hợp công nghệ hiệu quả	21,30	2	2,90%
8	Vai trò của giáo viên	Giảng viên tham gia tích cực vào các hoạt động trên lớp	19	1	2,90%
		Giảng viên đóng vai trò quan trọng hơn trong việc hỗ trợ, hướng dẫn và tạo động lực cho sinh viên	18	1	
9	Ứng phó với đại dịch	Giải pháp hiệu quả trong đại dịch Covid-19	19	1	1,44%
10	Giảm bớt lo lắng và áp lực	Giảm bớt lo lắng và áp lực cho việc luyện tập ngôn ngữ	33	1	1,44%
Tổng				69	100%

[Nguồn: Tác giả]

Bảng 5 trình bày ưu điểm của mô hình lớp học đảo ngược được tổng kết từ các nghiên cứu. Các nghiên cứu cho thấy việc linh hoạt và hiệu quả hơn trong các hoạt động ngoài lớp học^{18,19}; khả năng tối ưu hóa thời gian học tập tại lớp^{16,20,23,26,27,30}; người học được dành nhiều thời gian cho hoạt động thực hành¹⁵, cụ thể là xoay quanh các hoạt động tương tác, thảo luận và giải quyết vấn đề thực tế, tăng cường tính hiệu quả²¹. Ngoài ra, việc đa dạng hóa nguồn học liệu và thiết kế trực quan và sinh động giúp đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng [31], giúp tăng hứng thú học tập so với phương pháp sử dụng sách giáo khoa truyền thống¹⁸. Nhờ nền tảng kỹ thuật số, người dạy có thể cung cấp nội dung học tập nhanh chóng^{22,25}, người học có khả năng truy cập nguồn học liệu bất cứ lúc nào, ở đâu²³, đồng thời, giúp tiết kiệm chi phí và tái sử dụng tài nguyên¹⁹.

Không chỉ tối ưu hóa quá trình dạy và học, mô hình dạy học này còn thúc đẩy sự tham gia tích cực của người học vào quá trình học tập, trong cả hoạt động học cá nhân và tương tác nhóm^{22,27-29,33}; cải thiện sự tham gia trong các hoạt động trên lớp^{18,21,22,28,30}; tăng cường sự tự tin, tính chủ động khi sinh viên tự kiểm soát tiến độ và phong cách học tập của mình, tăng sự hấp dẫn trong học tập, khuyến khích sinh viên học tập hiệu quả hơn^{22,28,33}. Đặt trọng tâm vào việc phát triển kỹ năng tự học, mô hình lớp học đảo ngược còn giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề độc lập. Điều này không chỉ nâng cao tính tự chủ mà còn chuẩn bị tốt hơn cho họ trong các tình huống học tập suốt đời^{18,22,28,29,31,32}.

Các nghiên cứu còn ghi nhận khả năng tăng cường giao tiếp giữa sinh viên với giảng viên, tăng cường hợp tác giữa sinh viên, tăng sự tương tác trong lớp học và khuyến khích sự tham gia của sinh viên^{18,20,23,25,28,29,32}; khả năng nâng cao sự quan tâm và động lực học tập của sinh viên^{24,25,28,29}, tăng hứng thú đối với lớp học so với các phương pháp dạy học truyền thống²⁸. Sự tham gia tích cực của sinh viên và hiệu quả giảng dạy cao hơn chính là nguồn động lực để giảng viên đầu tư và sáng tạo hơn trong việc thiết kế bài giảng²⁴.

Mô hình dạy học này còn mang lại khả năng cá nhân hóa việc học, cho phép sinh viên điều chỉnh quá trình học tập phù hợp với nhu cầu, sở thích và lịch trình cá nhân^{16,17,21,22,31}; tạo không gian thoải mái cho việc học, giảm bớt lo lắng và áp lực cho học viên, đặc biệt trong các quá trình học tập và luyện tập ngôn ngữ³³. Nhờ đó, người học có thể linh hoạt tự học tại nhà, chuẩn bị tốt hơn trước khi tham gia các hoạt động trên lớp²⁸.

Mô hình lớp học đảo ngược còn có đóng góp quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập và phát triển

tư duy của sinh viên. Cụ thể là cải thiện thành tích học tập tổng thể²², hay nâng cao kết quả học tập ở các môn như Đọc và Dịch thuật^{15,32}; tăng cường hiệu quả sử dụng và rèn luyện ngôn ngữ nhờ thiết kế các hoạt động học tập linh hoạt và thực hành ngôn ngữ ngay trên lớp^{30,32}. Khi nội dung lý thuyết được sinh viên chuẩn bị trước ở nhà, thời gian trên lớp được tận dụng tối đa để giải đáp thắc mắc và thực hành. Điều này giúp sinh viên hiểu bài sâu hơn và tham gia tích cực hơn trong các hoạt động trên lớp²⁵. Từ đó, sinh viên đánh giá cao sự đổi mới và tính hiệu quả của mô hình này, thể hiện qua mức độ hài lòng với quá trình học tập²². Ở một góc nhìn khác, mô hình dạy học này tạo điều kiện để sinh viên tham gia các hoạt động tư duy bậc cao, học tập sâu hơn và tăng cường sự hợp tác giữa các thành viên trong lớp, nâng cao hiệu quả học tập tập thể²³.

Là một trong những cách tiếp cận giáo dục hiện đại, mô hình lớp học đảo ngược cũng giúp tích hợp hiệu quả công nghệ và phương pháp giảng dạy, tạo ra một môi trường học tập linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với nhu cầu của người học^{21,30}. Ngoài ra, mô hình này cũng đã chứng minh khả năng thích ứng mạnh mẽ trong bối cảnh đại dịch Covid-19, trở thành một giải pháp hiệu quả để đảm bảo hoạt động dạy và học không bị gián đoạn¹⁹.

Ngoài những ưu điểm đối với người học, các nghiên cứu còn nhận thấy ưu điểm của mô hình lớp học đảo ngược đối với vai trò của người dạy. So với phương pháp giảng dạy truyền thống, nơi giáo viên chủ yếu thực hiện giảng bài lý thuyết, trong lớp học đảo ngược, giáo viên đóng vai trò hướng dẫn và tham gia trực tiếp vào các hoạt động tương tác và thực hành trên lớp, tập trung vào việc giải đáp thắc mắc, thúc đẩy tư duy phân biện và động viên người học vượt qua những thử thách trong quá trình học tập. Điều này giúp tạo ra một môi trường học tập năng động và hỗ trợ tốt hơn cho học viên¹⁹, giữ vững động lực học tập của sinh viên và khuyến khích họ chủ động trong việc học¹⁸.

Nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược

Bảng 6: Nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược

STT	Nhóm nhược điểm	Diễn giải nhược điểm cụ thể	Dẫn nguồn	Tần suất	Tỷ lệ %
1	Khối lượng công việc	Tăng khối lượng công việc cho cả sinh viên và giảng viên	18-21,28,29,30	7	20,93%
		Yêu cầu giảng viên đầu tư nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị	15,23,24	3	
		Sinh viên thấy áp lực cao về khối lượng công việc	15,18-22,26,30	8	
2	Khó khăn trong việc tự học và động lực tự học	Sinh viên cần có kỹ năng quản lý thời gian	20,22	2	17,44%
		Sinh viên cần hỗ trợ thêm khi tự học	22,31	2	
		Khó khăn trong việc bảo đảm tự giác, duy trì động lực và kỷ luật học tập	16,18,20,22-24	7	
		Sự thành công của phương pháp phụ thuộc vào động lực tự học của sinh viên	15,22,23	3	
		Khó khăn trong thu hút sự chú ý và tham gia của sinh viên với học liệu trực tuyến	23	1	
3	Khó khăn về công nghệ và kỹ thuật	Giảng viên gặp khó trong việc lựa chọn công nghệ phù hợp	22,32	2	12,79%
		Thái độ tiêu cực của giảng viên đối với số hóa giáo dục và trình độ tin học của giảng viên còn thấp	22	1	
		Cần có hạ tầng công nghệ, Internet chất lượng bảo đảm và các yêu cầu về công nghệ, khả năng tiếp cận của giảng viên và sinh viên	22,23,25,30	5	
		Phụ thuộc quá nhiều vào chất lượng mạng Internet và hao tốn dung lượng Internet	18,22,25	3	
4	Thiếu tương tác và hỗ trợ trực tiếp	Thiếu tương tác trực tiếp và phản hồi ngay lập tức	22,33	2	10,47%
		Sinh viên cần tương tác trực tiếp với giảng viên để xử lý thông tin đầu vào	22	1	
		Thiếu sự đồng bộ và trợ giúp trực tiếp	16,22,28	3	
		Việc tương tác trực tuyến không phải lúc nào cũng đạt được hiệu quả cao và mục đích như mong muốn	22	1	
		Nhiều sinh viên cảm thấy khó khăn trong việc hợp tác nhóm, đặc biệt trong môi trường trực tuyến	22,32	2	
5	Khó khăn trong việc thiết kế học liệu và triển khai lớp học	Khó khăn trong việc thiết kế và triển khai lớp học	22,30	2	8,14%

Continued on next page

Table 6 continued

6	Sở thích hoặc vấn đề cá nhân	Khó khăn trong việc đảm bảo chất lượng học liệu	22,31	2	8,14%
		Nguồn học liệu trực tuyến và video chất lượng	18,29	2	
		Video bài giảng có thể quá dài	18	1	
		Nhiều sinh viên không thích phải học trước khi đến lớp và bị kiểm tra vào đầu buổi học	22,31	2	
		Sinh viên có thể thích sự tương tác trực tiếp với giảng viên hơn	22,31	2	
		Có thể gây khó khăn cho những sinh viên bị rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD)	22	1	
		Một số sinh viên gặp vấn đề khi đọc trên màn hình	22,28	2	
		7	Tính phù hợp và hiệu quả	Có thể không phù hợp với tất cả người học	
Không chắc chắn về tính phù hợp trong bối cảnh giảng dạy ngôn ngữ	22,23			2	
Không phù hợp với các yếu tố ngôn ngữ cần sự hướng dẫn nhiều từ giáo viên như đọc và viết	22			1	
Không phù hợp với mọi tình huống dạy và học	22			1	
8	Áp lực và lo lắng	Sinh viên thấy lo lắng về điểm số tham gia và về bài kiểm tra	20,22,28	4	6,98%
		Việc hoàn thành bài tập về nhà là một thách thức	15,22	2	
9	Môi trường học tập	Môi trường học tập của sinh viên có thể không bảo đảm	22,29	2	5,81%
		Mô hình học tập lặp đi lặp lại có thể gây nhàm chán	22,28	2	
		Sinh viên dễ bị phân tâm bởi các hoạt động không hiệu quả khác	22	1	
10	Cảm giác bị bỏ rơi và không được hỗ trợ	Một số sinh viên cảm thấy bị bỏ rơi và bị gạt ra ngoài lề do tốc độ giảng dạy được giả định chung	22	1	2,32%
		Không có sự phân biệt giữa những sinh viên về mặt thông tin đầu vào	22	1	
Tổng				86	100%

[Nguồn: Tác giả]

Theo kết quả phân tích được trình bày như trong Bảng 6, có thể nhận định, bên cạnh những ưu điểm đã nêu, mô hình lớp học đảo ngược cũng cho thấy nhiều nhược điểm, khó khăn trong quá trình triển khai với các lớp ngoại ngữ ở môi trường đại học.

Một trong những nhược điểm được chỉ ra trong nhiều nghiên cứu là gánh nặng về khối lượng công việc dành cho người học khi họ phải tăng thêm thời gian chuẩn bị bài trước buổi học bao gồm xem video, đọc tài liệu, làm bài tập trực tuyến, cũng như hoàn thành các bài kiểm tra trước và sau buổi học^{16-18,20,32}. Điều này có thể dẫn đến tình trạng quá tải, mệt mỏi và căng thẳng cho người học, đặc biệt trong trường hợp những người học mới bắt đầu tiếp cận hoặc chưa được trang bị trước những kỹ năng cần có để tham gia mô hình lớp học đảo ngược.

Cá nhân hóa quá trình học tập là một ưu điểm đáng chú ý, tuy nhiên khả năng này chỉ đạt được nếu người học có khả năng quản lý tốt thời gian học tập của bản thân. Một số sinh viên cảm thấy khó khăn trong việc tự học và quản lý thời gian khi không có sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên^{15,21,30}. Ngoài ra, mức độ cá nhân hóa hay tốc độ tiếp thu bài giảng qua video được giả định chung có thể sẽ không đáp ứng được nhu cầu và khả năng của từng sinh viên, dẫn đến khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức đối với những sinh viên có vấn đề riêng khi làm việc với màn hình máy tính/điện thoại hoặc có năng lực tiếp thu chậm hơn số đông, kết quả là một số sinh viên cảm thấy bị bỏ rơi và áp lực^{16,21,22,25,26,30}. Có nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, mô hình lớp học đảo ngược không mang lại tác động và hiệu quả đồng đều cho các nhóm người học có trình độ đầu vào khác nhau, điều này cũng đặt ra thách thức đối với nhóm người học mới bắt đầu^{27,31}. Sinh viên cũng đối mặt với tình trạng thiếu động lực học tập và không thể hoàn thành được các nhiệm vụ được giao trước buổi học, điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như: người học khó thích nghi với mô hình học tập mới, không thoải mái khi phải tiếp thu kiến thức mà không có sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên, hoặc khó khăn trong quá trình sử dụng công nghệ trực tuyến và không thấy thú vị với các hoạt động học tập trực tuyến^{16,17,21-23,25}. Sự khác biệt về tính cách, mức độ tự tin của người học cũng dẫn đến thực trạng rằng tương tác giữa người học và người dạy trong mô hình lớp học đảo ngược không đạt được hiệu quả như mô hình truyền thống, đặc biệt nếu xảy ra sự gián đoạn về mặt kỹ thuật.

Trong mô hình này, các bài kiểm tra đầu giờ nhằm mục đích đánh giá quá trình tự học cũng khiến cho một số sinh viên cảm thấy lo lắng và không thoải mái, hoặc sinh viên không muốn bị ràng buộc bởi các bài kiểm tra thường xuyên và cảm thấy không

tin tưởng vào khả năng đánh giá đúng của các bài kiểm tra này²². Ngoài ra, một số sinh viên cũng thấy nhàm chán với các hoạt động lặp lại của mô hình: xem video, làm bài kiểm tra trực tuyến, tham gia hoạt động tương tác trên lớp^{16,28}.

Các yếu tố về công nghệ và tài nguyên học tập cũng ảnh hưởng nhiều đến trải nghiệm của người học trong mô hình lớp học đảo ngược. Một số vấn đề có thể làm giảm sự hứng thú và hiệu quả học tập của sinh viên như: video có thể có chất lượng hình ảnh kém, nội dung không hấp dẫn, hoặc thiếu sự đa dạng trong các hoạt động²⁰⁻²². Ngoài ra, sự phụ thuộc vào công nghệ và kết nối Internet, đặc biệt ở những khu vực nông thôn, cũng khiến sinh viên gặp khó khăn trong quá trình học tập, gây ra sự gián đoạn và bất bình đẳng trong học tập^{16,19,22,25,31-33}.

Nhìn nhận từ góc độ giảng dạy, giáo viên có thể gặp khó khăn trong việc chuyển đổi từ vai trò truyền thống - truyền đạt kiến thức, sang vai trò mới là người hướng dẫn và hỗ trợ^{19,24}. Đồng thời, để đạt được hiệu quả cao trong quá trình triển khai mô hình, giáo viên cũng cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và có kỹ năng sư phạm tốt, đặc biệt trong việc thiết kế các hoạt động tương tác phù hợp trên lớp. Trước tiên là yêu cầu về thời gian và công sức mà người dạy dành cho mỗi buổi học khi phải chuẩn bị video bài giảng, tài liệu trực tuyến và các hoạt động trên lớp^{15,23,24}. Điều này có thể gây ra áp lực cho những giảng viên trẻ, chưa có kinh nghiệm trong quản lý công việc giảng dạy. Tiếp đến, để có thể triển khai tốt mô hình, giáo viên cần có kỹ năng sử dụng công nghệ tốt để không chỉ tạo ra các nguồn học liệu chất lượng cao, thiết kế được các hoạt động trực tuyến mà còn giải quyết các vấn đề liên quan đến kỹ thuật có thể phát sinh trong quá trình dạy học^{17,22,25,28}.

Một số nhược điểm khác cũng được nêu ra trong các nghiên cứu như: kết quả thực nghiệm cho thấy mô hình lớp học đảo ngược không đạt được hiệu quả trong bối cảnh giảng dạy các kỹ năng thực hành tiếng, đặc biệt các môn học cần sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên như Đọc, Viết^{22,23}; mô hình cũng không cải thiện được sự tham gia về cảm xúc hay động lực và sự tự tin của người học^{18,26} và một số vấn đề khác xuất phát từ các đặc điểm cá nhân của người học.

Thảo luận

Nghiên cứu tổng quan hệ thống này đã phân tích 19 bài báo được lựa chọn theo quy trình PRISMA, nhằm đánh giá ưu và nhược điểm của mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy ngoại ngữ.

Ở câu hỏi nghiên cứu đầu tiên về các ngoại ngữ được giảng dạy theo mô hình lớp học đảo ngược, kết quả

tổng hợp từ 19 nghiên cứu cho thấy 94,47% các lớp học thực nghiệm giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ. Điều này có thể được lý giải bằng sức ảnh hưởng của tiếng Anh với vai trò là ngôn ngữ toàn cầu, được sử dụng trong phần lớn các lĩnh vực học thuật, kinh doanh và giao tiếp quốc tế³⁴, vì vậy, việc nghiên cứu và áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, cụ thể là mô hình lớp học đảo ngược, trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh là xu hướng tất nhiên. Bên cạnh đó, chỉ có một nghiên cứu sử dụng tiếng Ả Rập làm ngôn ngữ được giảng dạy trong lớp học thực nghiệm, chiếm 5,26%. Sự chênh lệch này có thể phản ánh một khoảng trống trong nghiên cứu về ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh hoặc có thể xuất phát từ nguyên nhân nghiên cứu tổng quan hệ thống này chưa thu thập được những công trình nghiên cứu về mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh, đặc biệt là những ngôn ngữ có cấu trúc ngữ pháp và hệ thống âm vị khác biệt.

Với câu hỏi thứ hai về các kỹ năng được giảng dạy trong mô hình lớp học đảo ngược, kết quả nghiên cứu cho thấy tiềm năng ứng dụng rộng rãi của mô hình này trong giảng dạy những kỹ năng ngoại ngữ riêng lẻ và phát triển năng lực ngôn ngữ tổng hợp, nhờ vào việc chuyển giai đoạn học lý thuyết thành tự học trước khi đến lớp và sử dụng thời gian trên lớp hiệu quả hơn thông qua thực hành và tương tác. Những phát hiện này phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây khi ghi nhận những ảnh hưởng tích cực của mô hình này đối với sinh viên trong việc học ngữ pháp và các kỹ năng ngoại ngữ. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng người học hài lòng với việc thu nhận và sử dụng các kiến thức ngữ pháp tiếng Anh³⁵; sinh viên được nâng cao năng lực ngữ pháp, cụ thể trong việc xây dựng các câu bằng tiếng Anh³⁶. Các đặc điểm vốn có của lớp học đảo ngược, như học tập chủ động, cá nhân hóa việc học, đảm bảo tính hiệu quả trong việc cải thiện kỹ năng nghe hiểu của sinh viên³⁷; cải thiện kỹ năng viết khi học viên được tiếp xúc trước với các nguyên tắc và bài mẫu trước giờ học^{38,39}; sinh viên nhận được phản hồi ngay lập tức từ giáo viên và bạn học, giúp họ cải thiện bài viết của mình một cách hiệu quả hơn⁴⁰; cải thiện kỹ năng nghe-nói nhờ vào các hoạt động đa dạng và tập trung⁴¹; hoặc hỗ trợ người học nâng cao cả 4 kỹ năng một cách cân bằng⁴².

Ở 2 câu hỏi nghiên cứu chính của bài tổng quan hệ thống này, kết quả cho thấy mô hình đảo ngược mang lại nhiều lợi ích tiềm năng, nhưng cũng đối mặt với những thách thức nhất định.

Mô hình này đã chứng minh được những ưu điểm vượt trội trong việc tối ưu hóa quá trình dạy và học. Đầu tiên phải kể đến giá trị tích cực của mô hình dạy học này đối với sinh viên, những người trực tiếp thụ hưởng quy trình dạy và học của mô hình này. Một trong những ưu điểm nổi bật của mô hình lớp học đảo ngược là khuyến khích sinh viên trở thành những người học chủ động^{18,22,28,29,31,32}. Việc sinh viên tự tìm hiểu và chuẩn bị bài học trước khi đến lớp giúp họ nắm bắt kiến thức một cách độc lập. Ưu điểm này phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trước khi cho rằng phương pháp dạy học đảo ngược mang lại cho người học khả năng làm việc tự chủ và tại chỗ của mình⁴³; giúp sinh viên rèn luyện khả năng tự học và quản lý thời gian⁴. Mặc dù vẫn có nghiên cứu chỉ ra rằng những sinh viên thiếu khả năng tự chủ thường mong muốn phụ thuộc nhiều hơn vào bài giảng trên lớp của giáo viên⁴⁴, nghĩa là phương pháp giảng dạy lấy giáo viên làm trung tâm, giảng bài tại lớp vẫn phổ biến trong các lớp học tiếng Anh. Tuy nhiên, phong cách giảng dạy này không phù hợp với nhu cầu của thế kỷ 21 khi sinh viên sống trong kỷ nguyên số, nơi thông tin có thể dễ dàng truy cập ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào.

Việc tăng sự chủ động trong học tập của người học đồng thời dẫn đến việc cải thiện chất lượng học tập^{15,22,23,25,30-32}. Thông qua việc tham gia vào các hoạt động thực hành trong lớp, sinh viên có cơ hội áp dụng kiến thức vào thực tế, từ đó phát triển năng lực tự học, nâng cao chất lượng học tập, khả năng tư duy phân biện và giải quyết vấn đề. Một số nghiên cứu khác cũng đưa ra những kết luận tương tự ở việc đạt điểm cao hơn đáng kể trong tất cả các bài tập về nhà, dự án và bài kiểm tra^{4,45-48}. Đây có thể xem là khía cạnh rất đáng lưu ý trong việc áp dụng mô hình dạy học này một cách rộng rãi, vì nâng cao chất lượng là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của quá trình học tập.

Với khả năng tối ưu hóa thời gian và tài nguyên^{16,18-20,23,26,30,32}, mô hình lớp học đảo ngược giúp tiết kiệm thời gian và tài nguyên học tập bằng cách chuyển giao phần lớn việc giảng dạy lý thuyết sang cho sinh viên tự học ngoài lớp qua các tài liệu và video trực tuyến. Điều này không chỉ giúp giáo viên có thêm thời gian để tập trung vào các hoạt động thực hành và giải đáp thắc mắc trong lớp, nâng cao chất lượng học tập, mà còn tiết kiệm chi phí in ấn và làm cho tài nguyên học tập dễ dàng truy cập và sử dụng lại. Các nghiên cứu trước đó cũng cho thấy kết quả tương tự về ưu điểm này khi cho rằng sinh viên được cung cấp các bài giảng video tùy chọn đến lớp chuẩn bị tốt hơn nhiều so với khi họ được giao đọc tài liệu từ sách giáo khoa⁴⁹; đồng thời khả năng xem lại tài liệu đa phương tiện giúp ích rất nhiều, đặc biệt là giúp sinh viên bắt kịp những tài liệu đã bỏ lỡ⁴³.

Bên cạnh đó, nhờ đảo ngược giai đoạn học tập trong lớp và trước giờ học, mô hình dạy học giúp xây dựng mối quan hệ tích cực giữa người dạy và người học, tăng khả năng tương tác và giao tiếp giữa sinh viên và giáo viên, cũng như giữa các sinh viên với nhau^{18,20,23,25,28,29,32}. Vì sinh viên đã chuẩn bị bài trước khi đến lớp, họ cảm thấy tự tin hơn và dành toàn thời gian tham gia vào các hoạt động thảo luận, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm trong lớp học. Điều này không chỉ giúp họ củng cố kiến thức mà còn phát triển các kỹ năng giao tiếp và hợp tác. Môi trường học tập này tạo ra một không gian tích cực, thân thiện, giúp giảm bớt căng thẳng và lo lắng cho sinh viên. Khía cạnh tích cực này đã được chứng minh trong một số nghiên cứu khi cho thấy mô hình này giúp tăng cơ hội tương tác và học hỏi lẫn nhau^{4,50}; những sinh viên tham gia và tương tác nhiều hơn, đồng thời nhận được nhiều sự khuyến khích và phản hồi trực tiếp hơn do số lượng bài tập trên lớp tăng lên⁵¹.

Tuy nhiên, việc triển khai mô hình lớp học đảo ngược cũng gặp phải một số khó khăn. Mặc dù mô hình này khuyến khích tính tự chủ học tập, nhưng chính điều này lại đặt ra thách thức cho khả năng quản lý thời gian và tự học của một số sinh viên. Các nghiên cứu^{20,22} cho thấy sinh viên cần được hỗ trợ và hướng dẫn để phát triển các kỹ năng tự học và quản lý thời gian hiệu quả. Tương tự, O'Flaherty và cộng sự⁵² đã nhấn mạnh về sự cần thiết của một giai đoạn chuyển tiếp. Arslan⁵³ cũng chỉ ra rằng sinh viên và giáo viên cần thời gian để điều chỉnh với phương pháp học tập mới này. Nghiên cứu của Bishop và Verleger⁴ cũng cố quan điểm này khi cho thấy một số sinh viên gặp khó khăn trong việc thích nghi với việc học tự định hướng. Sinh viên cũng có thể cảm thấy áp lực bởi khối lượng công việc học tập tăng lên do phải tự học trước khi đến lớp^{15,18–22,26,30,32}. Họ có thể cảm thấy quá tải khi phải xem video bài giảng, hoàn thành bài tập và chuẩn bị cho các hoạt động trên lớp. Áp lực về khối lượng công việc được Love và cộng sự⁵⁴, Arslan⁵³ xác định là một trong những thách thức chính, đặc biệt sẽ khó khăn đối với những sinh viên có ít kinh nghiệm với việc học tự chủ và chưa thành thạo các kỹ năng về quản lý thời gian.

Trong các nghiên cứu của Talbert⁵⁵, O'Flaherty và cộng sự⁵² và Arslan⁵³, sự phụ thuộc vào công nghệ và kết nối Internet được nhấn mạnh là một rào cản đáng kể, đặc biệt đối với những người học không có đủ điều kiện tiếp cận^{16,18,22,25,33}. Các nghiên cứu cũng lưu ý đến khó khăn trong việc đảm bảo chất lượng học liệu và thiết kế bài giảng phù hợp. Việc thiếu tương tác trực tiếp và phản hồi ngay lập tức từ giáo viên, một hạn chế được xác định trong nghiên cứu của Hamdan và cộng sự⁵⁶ và các nghiên cứu khác^{22,33}, cũng

có thể làm giảm hiệu quả của mô hình đối với một số người học. Một số sinh viên có thể cảm thấy nhàm chán với các hoạt động lặp đi lặp lại của mô hình và không thoải mái với các hoạt động kiểm tra trước và trên lớp^{28,31}. Những khó khăn này cho thấy việc triển khai lớp học đảo ngược cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, bao gồm cả việc đào tạo giáo viên và cung cấp tài nguyên hỗ trợ, như đã được đề cập trong nghiên cứu của Arslan⁵³. Đồng thời, cần cần nhắc nhở chi tiết chuyên biệt khi giảng dạy một kỹ năng cụ thể để xây dựng hệ thống hoạt động linh hoạt, không gây nhàm chán và đạt được hiệu quả cao.

Cuối cùng, bài tổng quan hệ thống này cũng còn những hạn chế nghiên cứu. Đó là giới hạn về cơ sở dữ liệu, cụ thể, nghiên cứu chỉ phân tích 19 bài tìm được từ ba cơ sở dữ liệu là Scopus, Google Scholar và ERIC. Việc này có thể bỏ sót một số nghiên cứu liên quan được xuất bản trên các cơ sở dữ liệu khác, cũng như có khả năng không thu thập được những nghiên cứu về mô hình dạy học đảo ngược trong các lớp học ngoại ngữ không phải tiếng Anh, dẫn đến kết quả chưa thực sự toàn diện. Ngoài ra, việc thiếu phân tích sâu bối cảnh của từng nghiên cứu riêng lẻ, như: môi trường học tập, phương pháp đánh giá, công cụ thu thập mẫu... cũng dẫn đến hạn chế trong việc so sánh kết quả của các nghiên cứu. Thêm nữa, việc sử dụng các công trình nghiên cứu về mô hình lớp học đảo ngược trong phạm vi giảng dạy ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục đại học có thể bỏ qua những nghiên cứu về mô hình dạy học này trong giảng dạy ngoại ngữ ở những trình độ khác nhau, khiến cho góc nhìn về việc áp dụng mô hình này bị thu hẹp và chưa hướng đến tiềm năng trong việc vận dụng đại trà.

KẾT LUẬN

Bài tổng quan hệ thống này đã phân tích 19 bài báo về ưu và nhược điểm của lớp học đảo ngược và cho thấy mô hình này thực sự đã mang lại những thay đổi lớn trong dạy và học ngoại ngữ, nơi người học cần nhiều thời gian để thực hành, cải thiện và nắm vững các kỹ năng ngôn ngữ. Việc tổ chức dạy và học đảo ngược đã mang lại những lợi ích nhất định, được kiểm chứng qua các nghiên cứu thực nghiệm và nhận được những phản hồi tích cực từ phía người học, những người trực tiếp tham gia và trải nghiệm những thay đổi trong quá trình học tập. Những ưu điểm và nhược điểm được chỉ ra sẽ đóng góp vào nền tảng cơ sở lý luận của phương pháp dạy-học này để áp dụng rộng rãi trong bối cảnh “bình thường mới”. Bên cạnh đó, bài viết cũng mở ra dự địa nghiên cứu về mô hình này trong việc giảng dạy các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh, cũng như tìm hiểu sâu hơn về lợi ích và khả năng áp dụng phương pháp này trong giảng dạy các kỹ năng

ngoại ngữ riêng biệt. Đồng thời, việc sử dụng các công cụ nghiên cứu định tính cũng nên được xem xét ưu tiên trong các nghiên cứu trong tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, trong khuôn khổ đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở của ĐHQG-HCM mã số T202403 với nội dung “Xây dựng video bài giảng cho mô hình lớp học đảo ngược tại Khoa Ngữ văn Nga, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh” do Tiến sĩ Nguyễn Vũ Hương Chi làm chủ nhiệm.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

- Thành viên 1 - Liêu Thị Hồng Phúc: Viết các phần: Tóm tắt, Kết quả, Thảo luận và Kết luận.
- Thành viên 2 - Nguyễn Vũ Hương Chi: Viết các phần: Tóm tắt, Đặt vấn đề, Phương pháp nghiên cứu, Thảo luận và Kết luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bergmann J, Overmyer J, Wilie B. The flipped class: Myths vs. reality. *The Daily Riff-Be Smarter About Education*; 2013.
2. Bergmann J, Sams A. *Flip your classroom: Reach every student in every class every day*. Washington DC: International Society for Technology in Education; 2012.
3. Acree L, Gibson T, Mangum N, Wolf M, Kellogg S, Branon S. Supporting school leaders in blended learning with blended learning. *Journal of Online Learning Research*. 2017;3(2):105–143.
4. Bishop JL, Verleger MA. The flipped classroom: A survey of the research. In: *Proceedings of the 120th American Society for Engineering Education Annual Conference and Exposition 2013*;30(9):1-18. vol. 30 of 9; 2013. p. 1–18.
5. Mok HN. Teaching tip: the flipped classroom. *Journal of Information Systems Education*. 2014;25(1):7–11.
6. Al-Harbi SS, Alshumaimeri YA. The flipped classroom impact in grammar class on EFL Saudi secondary school students' performances and attitudes. *English Language Teaching*. 2016;9(10):60–80.
7. Thân TMB, Đỗ BN. Nghiên cứu phương pháp giảng dạy theo hình thức “lớp học đảo ngược” trong giờ học thực hành tiếng Nhật của sinh viên khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản. *Hội thảo khoa học quốc gia (UNC): Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam*; 2020. p. 70–82.
8. Phạm TT, Phạm VN. Áp dụng mô hình lớp học đảo ngược vào dạy học trực tuyến cho sinh viên Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên. *Tạp chí Giáo dục*. 2022;22(6):47–52.
9. Hoque MS, Islam M, Thurairaj S. Flipped classroom pedagogy in higher education in EFL contexts: findings and implications for further research. *Forum for Linguistic Studies*. 2023;5(1):91–102.
10. Тихонова НВ. Технология «перевернутый класс» в вузе: потенциал и проблемы внедрения. *Казанский педагогический журнал*. 2018;2:74–78.
11. Voronina MV. Flipped» class-innovative model of training. *Open Education*. 2018;22(5):40–51.
12. Baker JW. The “classroom flip”: Using web course management tools to become the guide by the side. In: *Selected papers from the 11th International Conference on College Teaching and Learning*; 2000. p. 9–17.
13. Du S, Fu Z, Wang Y. The flipped classroom – advantages and challenges. In: *Proceedings of the 2014 International Conference on Economic Management and Trade Cooperation*. Atlantis Press; 2014. p. 17–20.
14. Moher D, Liberati A, Tetzlaff J, Altman DG. Preferred reporting items for systematic reviews and meta-analyses: The PRISMA statement. *International Journal of Surgery*. 2010;8(5):336–341. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ijsu.2010.02.007>.
15. Putri E, Cahyono B, Zubaidi N. Flipped learning in EFL classrooms effects on tertiary students' writing skills and perceptions. *Teaching English as a Second or Foreign Language- TESL-EJ*. 2024;28. Available from: <https://doi.org/10.55593/ej.28110a7>.
16. Sukavatee P. The effects of inductive and deductive instruction in a flipped classroom on English grammar ability of undergraduate students in Thailand. *PASAA Journal*. 2023;67(2):271–308.
17. Sağlam D, Arslan A. The effect of flipped classroom on the academic achievement and attitude of higher education students. *World Journal of Education*. 2018;8(4):170. Available from: <https://doi.org/10.5430/wje.v8n4p170>.
18. Li Z, Li J. Using the flipped classroom to promote learner engagement for the sustainable development of language skills: a mixed-methods study. *Sustainability*. 2022;14(10):5983. Available from: <https://doi.org/10.3390/su14105983>.
19. Han H, Rokenes FM, Krumsvik R. Student teachers' perceptions of flipped classroom in EFL teacher education. *Education and Information Technologies*. 2023;29:1–20. Available from: <https://doi.org/10.1007/s10639-023-11839-w>.
20. Choe E, Seong MH. A case study of the flipped classroom in a Korean university general English course. *Journal of Pan-Pacific Association of Applied Linguistics*. 2016;20(2):71–93.
21. Akayoğlu S. Teaching CALL to pre-service teachers of English in a flipped classroom. *Technology, Knowledge and Learning*. 2021; Available from: <https://doi.org/10.1007/s10758-019-09428-3>.
22. Madil W. The implementation of flipped classroom using Telegram bot messaging application in the reading class. *Journal of Teaching of English*. 2023;8(4):415–424. Available from: <https://jte.uho.ac.id/index.php/journal/article/view/461>.
23. Webb M, Doman E, Pusey K. Flipping a Chinese university EFL course: what students and teachers think of the model. *Journal of Asia TEFL*. 2014;11:53–84.
24. Ghufroon MA, Nurdianingsih F. Flipped teaching with CALL media in EFL writing course: Indonesian EFL writing teachers' reflection. *Pertanika Journal of Social Science and Humanities*. 2020;28:1–18.
25. Quadir HA, Alfaifi AAM, Saleem M, Wajid MA. The flip side of the flipped classroom model: a study of EFL learners' hindrances. *World Journal on Educational Technology: Current Issues*. 2022;14(5):1384–1397. Available from: <https://doi.org/10.18844/wjet.v14i5.8058>.
26. Bírová L. Flipped classroom and its use in teaching English as a foreign language. *Publicaciones*. 2019;49(5):93–112.
27. Liu C, Sands-Meyer S, Audran J. The effectiveness of the student response system (SRS) in English grammar learning in a flipped English as a foreign language (EFL) class. *Interactive Learning Environments*. 2018;27(1):1–14. Available from: <https://doi.org/10.1080/10494820.2018.1528283>.
28. Suparman A, Kusnadi S, Adiredja R. The flipped classroom: a story from an EFL classroom in Indonesia. *MEXTESOL Journal*. 2023;47(2):1–11.
29. Luu H. EFL students' perceptions of online flipped classrooms during the COVID-19 pandemic and beyond. *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*. 2022;21:460–476. Available from: <https://doi.org/10.26803/ijlter.21.9.25>.

30. Alfaifi A, Saleem M. Flipped classroom and psycholinguistic factors: An evaluation. 3L The Southeast Asian Journal of English Language Studies. 2022;28:139–151. Available from: <https://doi.org/10.17576/3L-2022-2801-10>.
31. Gesa F, Frigole N, M-D-M S. EFL grammar teaching applying the just-in-time teaching methodology: An exploratory study. Language Teaching Research Quarterly. 2024;39:202–216. Available from: <https://doi.org/10.32038/ltrq.2024.39.14>.
32. Nguyen N, Lee KW, Szabo CZ, Nguyen D. A case study of technology-assisted flipped learning in enhancing learner translation capabilities and its mitigated challenges. International Journal of Computer-Assisted Language Learning and Teaching. 2022;12:1–19. Available from: <https://doi.org/10.4018/IJCALLT.291109>.
33. Mango O. Flipgrid: students' perceptions of its advantages and disadvantages in the language classroom. International Journal of Technology in Education and Science (IJTES). 2021;5(3):277–287. Available from: <https://doi.org/10.46328/ijtes.195>.
34. Crystal D. English as a global language. Cambridge University Press; 2003.
35. Ishaq S. Is it Worth Flipping? The Impact of Flipped Classroom on EFL Students' Grammar. English Language Teaching. 2024;13:64–75. Available from: <https://doi.org/10.5539/elt.v13n6p64>.
36. Nurfauziah M, Fatima F, Zul R. Implementation of Flipped Classroom in Increasing Students' Grammar Ability of Islamic Economic Department Student in UIN Datokarama Palu. Jurnal Pendidikan dan Pembelajaran Indonesia (JPPI). 2024;4:446–452. Available from: <https://doi.org/10.53299/jppi.v4i2.529>.
37. Ahmad SK. The flipped classroom model to develop Egyptian EFL students' listening comprehension. English Language Teaching. 2016;9(9):166–178.
38. Lo CK, Hew KF. The impact of flipped classrooms on student achievement in engineering education: A meta-analysis. Journal of Educational Technology & Society. 2017;20(1):1–12.
39. Altas E, Mede E. The impact of flipped classroom approach on the writing achievement and self-regulated learning of pre-service English teachers. Turkish Online Journal of Distance Education. 2020;22(1):66–88.
40. Soltanpour F, Valizadeh M. A flipped writing classroom: Effects on EFL learner's argumentative essay. Advances in Language and Literary Studies. 2018;9(1):5–13.
41. Hung HT. Flipping the classroom for English language learners to foster active learning. Computer Assisted Language Learning. 2015;28(1):81–96.
42. Cheng L, Ritzhaupt AD, Antonenko P. Effects of the flipped classroom instructional strategy on students' learning outcomes: A meta-analysis. Educational Technology Research and Development. 2019;67(4):793–824.
43. González-Gómez D, Jeong JS, Airado RD, Cañada-Cañada F. Performance and Perception in the Flipped Learning Model: An Initial Approach to Evaluate the Effectiveness of a New Teaching Methodology in a General Science Classroom. J Sci Educ Technol. 2016;25:450–459. Available from: <https://doi.org/10.1007/s10956-016-9605-9>.
44. Sulistyoto T, Mukminatien N, Cahyono B, Saukah A. Enhancing Learners' Writing Performance through Blog-Assisted Language Learning. International Journal of Emerging Technologies in Learning (IJET). 2019;2019(61-73). Available from: <https://doi.org/10.3991/ijet.v14i09.9535>.
45. Day JA, Foley JD. Evaluating a web lecture intervention in a human-computer interaction course. IEEE Transactions on Education. 2006;49(4):420–431.
46. Afrilyasanti R, Cahyono BY, Astuti UP. Indonesian EFL students' perceptions on the implementation of flipped classroom model. Journal of Language Teaching and Research. 2017;8(3):476–484. Available from: <https://doi.org/10.17507/jltr.0803.05>.
47. Maharani A, Hamamah H, Nurhayani I. Indonesian undergraduate EFL students' perceptions toward flipped classroom. Edcomtech Jurnal Kajian Teknologi Pendidikan. 2020;5(1):1–10. Available from: <https://doi.org/10.17977/um039v5i12020p001>.
48. Kang N. The comparison between regular and flipped classrooms for EFL Korean adult learners. Multimedia-Assisted Language Learning;18(3):41–72.
49. JL G, JL F, G N, W M. Incorporating ScreenCasts into Chemical Engineering Courses. 2012 ASEE Annual Conference & Exposition. 2015;25(762.1). Available from: <https://doi.org/10.18260/1-2-21519>.
50. Johnson G. Student Perceptions of the Flipped Classroom. Thesis for Master of Arts in Educational Technology. Vancouver: The University of British Columbia, the College of Graduate Studies; 2013. Available from: <https://open.library.ubc.ca/cIRcle/collections/ubctheses/24/items/1.0073641>.
51. Ping RLS, Verezub E, IFA B, Chen WS. Tracing EFL students' flipped classroom journey in a writing class: Lessons from Malaysia. Innovations in Education and Teaching International. 2020;57(3):305–316. Available from: <https://doi.org/10.1080/14703297.2019.1574597>.
52. O'Flaherty J, Phillips C, Karanickolas S, Snelling C, Winning T. Corrigendum to "The use of flipped classrooms in higher education: A scoping review". Internet High Educ. 2015;27(90).
53. Arslan A. A systematic review on flipped learning in teaching English as a foreign or second language. Journal of Language and Linguistic Studies;16(2):775–797.
54. Love B, Hodge A, Grandgenett S, Swift R. Student perspectives on flipped learning in STEM. International Journal of STEM Education. 2024;1(1):1–18.
55. Talbert R Inverted Classroom The Internet and Higher Education 2012;15:89-95. 2012;.
56. Hamdan N, McKnight P, McKnight K, Arfstrom K. A review of flipped learning. Pearson. 2013.

The advantages and disadvantages of the flipped classroom model in foreign language teaching at the undergraduate level: A systematic review

Lieu Thi Hong Phuc*, Nguyen Vu Huong Chi



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

In the context of the Fourth Industrial Revolution and the rapid growth of online learning, the flipped classroom model has transformed teaching and learning by inverting the traditional pedagogical process. Learner autonomy is emphasized through pre-class engagement with videos and materials, while the instructor's role shifts from knowledge provider to facilitator. Class time is then dedicated to practical activities, interaction, and problem-solving under the teacher's guidance. To ensure comprehensiveness and transparency, this systematic review employs the PRISMA framework with its 4-phase flow diagram: identification, screening, exclusion, and eligibility. A total of 19 articles published between 2014 and 2024 were identified through relevant keywords from Scopus, Google Scholar, and ERIC databases. The findings highlight the advantages of this model, including flexibility in time and space, self-directed learning, enhanced creativity, optimized in-class activities, development of language skills, critical thinking, and digital literacy. Concurrently, the disadvantages of this model are also identified such as workload pressures, dependence on technology and internet access, time management and self-learning skills, the quality of learning resources, learning environment limitations, and other individual learner factors.

Key words: flipped classroom, foreign language teaching, systematic review, higher education

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Lieu Thi Hong Phuc, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: lieuphuc114@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 31-12-2024
- Revised: 29-04-2025
- Accepted: 11-06-2025
- Published Online: xx-07-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i3.1097>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Hong Phuc L T, Huong Chi N V. **The advantages and disadvantages of the flipped classroom model in foreign language teaching at the undergraduate level: A systematic review .** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(3):3078-3092.